



# ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) CỦA NHẬT BẢN VÀO TP HỒ CHÍ MINH TRONG 10 NĂM GẦN ĐÂY (2006-2016) - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Phạm Mạnh Thắng\*

Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-7-2016; ngày phản biện đánh giá: 30-11-2016; ngày chấp nhận đăng: 25-5-2017

## TÓM TẮT

Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản. Trong khoảng 10 năm gần đây (2006-2016), FDI của Nhật Bản tiếp tục tăng cao đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM. Bài viết này trình bày thực trạng và đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong việc thu hút FDI của Nhật Bản vào TPHCM.

**Từ khóa:** dự án đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản, hình thức đầu tư.

## ABSTRACT

*Japanese Foreign Direct Investment (FDI) in Ho Chi Minh City in the past 10 years (2006-2016) – The reality and solutions*

Ho Chi Minh city is one of the leading regions in terms of attracting Japanese FDI. For the past 10 years (2006-2016), Japanese FDI has continuously increased, contributing significantly to the socio-economic development of Ho Chi Minh City. The article presents the reality and solutions to restraints in attracting Japanese FDI in Ho Chi Minh City.

**Keywords:** investment project, Japanese FDI, types of investment.

## 1. Đặt vấn đề

Bước vào thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, TPHCM đã tiếp tục khẳng định vai trò và vị trí của thành phố trung tâm kinh tế - chính trị của khu vực Nam Bộ nói riêng, trung tâm thương mại - công nghiệp lớn của cả nước nói chung. TPHCM như một đầu tàu về kinh tế chủ lực và là một trong những địa phương dẫn đầu về thu hút vốn FDI. Trong 10 năm gần đây (2006-2016), Nhật Bản là quốc gia đầu tư đứng thứ sáu trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ về tổng số vốn FDI vào

TPHCM. Những nỗ lực thực hiện thông qua các giải pháp, thu hút vốn FDI của Nhật Bản đã có những bước đột phá; tuy nhiên, quá trình thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI của Nhật Bản cũng đặt ra nhiều vấn đề cần có những giải pháp để thúc đẩy thu hút vốn mạnh mẽ hơn.

## 2. Thực trạng thu hút FDI của Nhật Bản vào TPHCM trong 10 năm (2006-2016)

### 2.1. Về quy mô và tốc độ đầu tư

Năm 2006, Nhật Bản đầu tư vào TPHCM 41 dự án với tổng vốn đầu tư

\*Email: thangpm@hcmup.edu.vn

65.921.150 USD. Từ năm 2007, sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO đã mở ra nhiều cơ hội lớn trong việc thu hút FDI, trong đó Nhật Bản đã tăng số dự án lên 49 dự án với tổng số vốn hơn 78,4 triệu USD. Tính đến hết năm 2009, số dự án của Nhật Bản chiếm hơn 10,2% trong tổng số FDI của hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm 6% tổng số vốn đầu tư. Nhật Bản luôn đứng đầu về tổng số vốn thực hiện khi đầu tư vào thị trường TPHCM. Từ năm 1988 đến cuối năm 2014, Nhật Bản có “740 dự án còn hiệu lực với 3267,5 triệu USD chiếm 9,01% tổng số vốn đầu tư” (Sở Kế hoạch và Đầu tư, 2014, tr.48) của 43 quốc gia và

vùng lãnh thổ, đứng thứ 2 về số dự án sau Hàn Quốc, thứ 5 về vốn chỉ sau Singapore, Malaysia, British Virgin Islands và Hàn Quốc.

Riêng đến 31/7/2016, đã có 478 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp phép chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đăng kí đạt 693,43 triệu USD; trong đó Nhật Bản có 78 dự án với tổng số vốn đầu tư 98,6 triệu USD đứng thứ 2 về đối tác đầu tư sau Hàn Quốc. Từ năm 1988 đến 31/7/2016, Nhật Bản có 909 dự án/2268 dự án còn hiệu lực (chiếm 14,5%), tổng số vốn 2923,9 triệu USD đứng thứ 6 về vốn sau Singapore, Malaysia, British Virgin Islands, Hàn Quốc và Hồng Kông.

**Bảng 1.** Số dự án và vốn đầu tư của Nhật Bản ở TPHCM từ 2006 đến 2016

Năm	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệuUSD)
2006	41	65,9
2007	49	78,4
2008	41	635,8
2009	38	46,7
2010	37	97,9
2011	53	151,5
2012	91	108,07
2013	118	102,4
2014	91	227,4
2015	96	65,9
7/2016	78	98,6

Nguồn: Cục Thống kê TPHCM, 2011, 2015; Sở Kế hoạch và Đầu tư, 2016

## 2.2. Về hình thức đầu tư

Hình thức đầu tư phổ biến của Nhật Bản ở TPHCM là các dự án đầu tư với 100% vốn, hình thức liên doanh và BOT.

Hình thức các dự án đầu tư với 100% vốn chiếm tỉ lệ khá cao vì ít đem lại rủi ro cho nhà đầu tư nếu doanh nghiệp hoạt

động không hiệu quả, cụ thể “năm 2005 có 23/31 dự án chiếm 74,2% số dự án thì đến năm 2009 có 28/38 dự án 73,7% số dự án” (Hoàng Văn Việt, 2011, tr.336). Ngoài ra, hình thức này sẽ giúp nhà đầu tư Nhật Bản làm chủ được công nghệ, tự chủ trong sản

xuất kinh doanh mà không lệ thuộc vào đối tác liên doanh.

Hình thức hợp tác liên doanh là hình thức doanh nghiệp Nhật Bản và Việt Nam hợp tác liên doanh theo phương thức cùng khai thác sản phẩm và dịch vụ dựa trên nguyên tắc luân phiên sử dụng nhãn hiệu hay thương hiệu của các bên. Lợi nhuận chia theo thỏa thuận. Có thể kể đến các dự án như Mekong Auto - Công ti Liên doanh ô tô đầu tiên chuyên sản xuất và lắp ráp ô tô tại Việt Nam bao gồm các bên liên doanh Saeilo Machinery Japan Inc (Nhật Bản) - Sae Young International Inc (Nhật Bản) - Veam (Việt Nam) - Sakyno (Việt Nam); Công viên Trí thức Việt - Nhật (Vija Brain Park) do Công ti Cổ phần phát triển nguồn lực Việt - Nhật làm chủ đầu tư với tổng số vốn 610 triệu USD... Ngoài ra, Nhật Bản còn liên doanh với các công ti nước ngoài khác đang hoạt động ở Việt Nam như Nhật Bản - Singapore, Nhật Bản - Mĩ, Nhật Bản - Hồng Kông.

### **2.3. Về lĩnh vực đầu tư**

Trong những năm đầu, FDI của Nhật Bản vào TPHCM chủ yếu tập trung vào lĩnh vực dịch vụ, may mặc. Trong những năm gần đây, Nhật Bản đang có xu hướng đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở hạ tầng. Nếu năm 2006, ngành may mặc chỉ có 4 dự án đầu tư với 730.000 USD thì các ngành như dịch vụ có 6 dự án đầu tư với 18, 2 triệu USD, công nghệ thông tin có 20 dự án với 2,2 triệu USD, xây dựng có 2 dự án với 700.000 USD. Xét trong cả giai đoạn từ 1989 đến 2013, lĩnh vực đầu tư của Nhật Bản là “ngành công nghiệp và xây dựng đã

có 249 dự án với 1.375,94 triệu USD, ngành dịch vụ có 591 dự án với 2.075,7 triệu USD” (Đỗ Thị Bích Trâm, 2014, tr.27).

### **2.4. Về địa bàn đầu tư**

Có thể thấy Nhật Bản đầu tư vào hầu hết 19 quận và 4 huyện của TPHCM. Tuy nhiên, các dự án đầu tư phân bố không đồng đều mà tập trung chủ yếu ở các quận trung tâm và các quận có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. Từ năm 1989 đến 2013, số vốn đầu tư được phân theo địa bàn, cụ thể “Quận 1 có 328 dự án với tổng số vốn đầu tư là 395,66 triệu USD, chiếm 12,13% tỉ trọng so với cả TPHCM; Quận 7 có 108 dự án với tổng số vốn đầu tư là 1.397,19 triệu USD chiếm 40,48% tỉ trọng; Quận 3 có 73 dự án; quận Tân Bình có 82 dự án, Quận 9 với 15 dự án” (Đỗ Thị Bích Trâm, 2014, tr.33).

Mặc dù là địa phương đi đầu trong thu hút FDI và có đủ khả năng để níu giữ các nhà đầu tư, trong đó có Nhật Bản, nhưng TPHCM vẫn còn những vấn đề tồn đọng, như: Môi trường pháp lí và hành chính cho nhà đầu tư còn nhiều bất cập; thiếu nguồn nhân lực có tay nghề cao, biết tiếng Nhật để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp Nhật Bản; chưa đáp ứng yêu cầu nắm bắt công nghệ hiện đại, thiếu kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp, không nắm vững luật pháp và đặc biệt không thông thạo tiếng Nhật. Kết cấu hạ tầng còn yếu và thiếu đồng bộ, chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế của TPHCM: nguồn cung cấp điện không ổn định, chất lượng điện thấp, tình trạng cắt điện không theo kế hoạch thường xuyên xảy ra; dịch vụ bưu

chính - viễn thông và giao thông còn yếu khiến cho việc vận chuyển hàng hóa gặp khó khăn; các công trình dịch vụ quanh các khu chế xuất, khu công nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu của người lao động; ngành công nghiệp phụ trợ của TPHCM chưa thật sự phát triển. Trong cuộc khảo sát về thực trạng hoạt động và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam gần đây, doanh nghiệp Nhật Bản đưa ra con số 65% doanh nghiệp gặp khó khăn trong thu mua nguyên vật liệu, linh kiện tại nước sở tại.

### 3. Một số giải pháp thu hút FDI của Nhật Bản vào TPHCM

Từ những vấn đề còn tồn đọng đã trình bày ở trên, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi, góp phần đẩy mạnh hơn thu hút vốn FDI của Nhật Bản vào TPHCM như sau:

(i) *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.* TPHCM cần làm tốt hơn các chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để cung cấp cho các khu chế xuất, khu công nghiệp. Các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp cần liên kết với các doanh nghiệp của Nhật Bản tại TPHCM đưa người học vào thực tập tại doanh nghiệp để người học có thể làm quen với môi trường làm việc. Bên cạnh đó, cần phát triển mạnh mẽ hơn nữa các trung tâm đào tạo tiếng Nhật, các khoa - bộ môn tiếng Nhật để trang bị kỹ năng ngoại ngữ cho những đối tượng đang và sẽ làm việc trong các doanh nghiệp của Nhật Bản.

(ii) *Phát triển cơ sở hạ tầng.* Đây là một trong những yếu tố tạo nên sự thu hút đối

với các nhà đầu tư đến với địa phương. TPHCM cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng ở bến cảng, sân bay, hệ thống đường cao tốc. Đối với đất đai, TPHCM cần nghiên cứu và có biện pháp để giảm tiền thuê đất, chủ động tổ chức đền bù và giải tỏa cho chủ đầu tư theo đúng cam kết; tiến hành các thủ tục thu hồi đất và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án không có khả năng triển khai hoặc chưa có kế hoạch sử dụng đất để tiến tới giao cho các nhà đầu tư mới. Ngoài ra, TPHCM cũng cần chú ý đến các vấn đề về cấp thoát nước, điện, vệ sinh môi trường... để nhà đầu tư Nhật Bản yên tâm đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

(iii) *Đổi mới chính sách và cải cách thủ tục hành chính.* TPHCM tiếp tục đẩy mạnh thế mạnh về thực hiện cải cách thủ tục hành chính hơn, đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính đối với nhà đầu tư. Đẩy mạnh mô hình “một cửa, một dấu” để thực hiện mục đích: Sở Kế hoạch và Đầu tư là nơi duy nhất mà các doanh nghiệp nước ngoài nói chung và doanh nghiệp Nhật Bản nói riêng chỉ cần đến đó là tất cả vấn đề sẽ được giải quyết. Không chỉ vậy, những thủ tục hải quan cũng cần minh bạch và gọn nhẹ hơn để tránh gây phiền cho doanh nghiệp khi làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa như mô hình hiện nay “thủ tục hải quan điện tử”.

(iv) *Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ.* Việc thu hút các nhà đầu tư Nhật Bản vào các ngành công nghiệp phụ trợ không chỉ đáp ứng nhu cầu về linh kiện, nguyên phụ liệu cho doanh nghiệp Nhật Bản tại chỗ mà cũng chính là môi trường

tốt để doanh nghiệp ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam tiếp cận với những công nghệ mới, kỹ thuật mới từ doanh nghiệp Nhật Bản. Để có thể thu hút các doanh nghiệp Nhật Bản vào lĩnh vực này, TPHCM cần có nhiều chính sách đãi ngộ như: giảm hoặc bãi bỏ các loại thuế đánh vào linh kiện nhập khẩu; tiến hành thực hiện các cuộc triển lãm thúc đẩy ngành công nghiệp phụ trợ; quy hoạch quỹ đất cho các khu công nghiệp phụ trợ và có chính sách về giá điện, nước ưu đãi...

(v) *Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư.* Công tác xúc tiến đầu tư cần đổi mới hơn nữa nhằm quảng bá hình ảnh môi trường đầu tư TPHCM và chọn lọc các đối tác Nhật Bản vào 4 nhóm ngành công nghiệp và 9 nhóm ngành dịch vụ theo đúng định hướng phát triển chung của TPHCM như xây dựng trang website quảng bá bằng ngôn ngữ tiếng Nhật; tổ chức thường xuyên hơn các hội thảo, tiếp xúc giữa lãnh đạo TPHCM với các doanh nghiệp FDI của Nhật Bản để lắng nghe, tháo gỡ những khó khăn của doanh nghiệp; thành lập các văn phòng xúc tiến đầu tư của TPHCM tại Nhật Bản để cung cấp thông tin về các dự án ưu tiên, chính sách đầu tư, hỗ trợ pháp lý cho các nhà đầu tư muốn tìm hiểu và đầu tư vào TPHCM...

#### 4. Kết luận

Trong 10 năm (2006-2016), Nhật Bản luôn nằm trong số những quốc gia đầu tư vào TPHCM với số dự án và tổng số vốn đầu tư quy mô lớn. Nguồn vốn FDI của Nhật Bản đã góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ kỹ thuật và công nghệ quản lý. Bên cạnh đó, nhiều dự án tiêu biểu Nhật Bản đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng như tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên, cải thiện môi trường nước lưu vực kênh Tàu Hủ - Bến Nghé - kênh Đò - kênh Tè... đã làm thay đổi bộ mặt của Thành phố.

Mối quan hệ song phương trên lĩnh vực kinh tế giữa Nhật Bản với TPHCM ngày càng phát triển mạnh mẽ khi gần đây Thành phố đang thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác kinh tế với các địa phương của Nhật Bản như Osaka, Shiga, Yokohama...

Trước những bất cập của thực tiễn khi dòng vốn FDI của Nhật Bản đổ vào chưa xứng tầm với năng lực của nhà đầu tư và tiềm năng của TPHCM, bài viết đã đề xuất một vài giải pháp nhằm thu hút thêm vốn FDI của Nhật Bản vào Thành phố.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Xuân Bá. (2006). *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học kỹ thuật.
- Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2011). *Niên giám thống kê từ 2001-2011*. TPHCM: Nxb Thống kê.
- Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2015). *Niên giám thống kê năm 2015*. TPHCM: Nxb Thống kê.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. (2014). Báo cáo 28 năm thu hút vốn đầu tư nước ngoài. TPHCM: Lưu tại Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. (2016). Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tháng 01/2016-7/2016, TPHCM: Lưu tại Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (2012). *Tài liệu Quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa XI) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*. TPHCM: Lưu Văn phòng Thành ủy.
- Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2016). *Thành phố Hồ Chí Minh – 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập*. TPHCM: NXB Tổng hợp.
- Phạm Mạnh Thắng. (2015). Thực trạng và giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm gần đây. Tạp chí *Giáo dục Lý luận*, số 235/2015.
- Phạm Mạnh Thắng. (2016). Một số kết quả và kinh nghiệm của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong việc lãnh đạo thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ năm 2006 đến năm 2010. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, số 5(83)/2016.
- Phạm Mạnh Thắng. (2016). Quá trình thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thành phố Hồ Chí Minh (2005-2014). *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 313/2016.
- Đỗ Thị Bích Trâm. (2014). *Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến 2020*. Luận văn Thạc sĩ 2014, Đại học Ngoại thương CS2.
- Hoàng Văn Việt. (2011). *Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản ở Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm gần đây*. Hội thảo Quốc tế: Nhật Bản và các nước tiểu vùng Mekong - Mối quan hệ lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, TPHCM.